

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA)
VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ hoặc liên quốc gia, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền (sau đây gọi chung là nhà tài trợ nước ngoài) cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn đối ứng của phía Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ban chỉ đạo chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi là “Ban chỉ đạo”) là một tổ chức được thành lập bởi cơ quan chủ quản chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi là “chương trình, dự án”) với sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của cơ quan có liên quan để chỉ đạo, phối hợp, giám sát thực hiện chương trình, dự án. Trong một số trường hợp cần thiết, trên cơ sở thỏa thuận với nhà tài trợ nước ngoài, Ban chỉ đạo có thể bao gồm đại diện của nhà tài trợ nước ngoài.

2. Ban quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi là “Ban quản lý dự án”) là một tổ chức được thành lập với nhiệm vụ giúp cơ quan chủ quản, chủ dự án quản lý thực hiện một hoặc một số chương trình, dự án.

3. Chương trình là một tập hợp các hoạt động, các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi có liên quan đến nhau và có thể liên quan đến một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trong một hoặc nhiều giai đoạn.

4. Chương trình kèm theo khung chính sách là chương trình có những điều kiện giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài gắn với cam kết của Chính phủ Việt Nam về xây dựng và thực hiện chính sách, thể chế, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội theo quy mô và lộ trình thực hiện được thỏa thuận giữa các bên.

5. Chương trình, dự án khu vực, toàn cầu (sau đây gọi chung là “Chương trình, dự án khu vực”) là chương trình, dự án được tài trợ trên quy mô toàn cầu hoặc cho một nhóm nước thuộc một khu vực hay nhiều khu vực để thực hiện hoạt động hợp tác nhằm đạt được những mục tiêu xác định vì lợi ích của các bên tham gia và lợi ích chung của khu vực hoặc toàn cầu. Sự tham gia của Việt Nam vào chương trình, dự án này có thể dưới hai hình thức:

a) Tham gia thực hiện một hoặc một số hoạt động đã được nhà tài trợ nước ngoài thiết kế sẵn trong chương trình, dự án khu vực;

b) Thực hiện hoạt động tài trợ cho Việt Nam để xây dựng và thực hiện chương trình, dự án trong khuôn khổ chương trình, dự án khu vực.

6. Chương trình tiếp cận theo ngành là chương trình sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo đó nhà tài trợ nước ngoài dựa vào chương trình phát triển của một ngành, một lĩnh vực để hỗ trợ một cách đồng bộ, bảo đảm sự phát triển bền vững, hiệu quả của ngành và lĩnh vực đó.

7. Cơ quan chủ quản chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi là “Cơ quan chủ quản”) là cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, cơ quan trực thuộc Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”), cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

8. Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi (chủ đầu tư đối với chương trình, dự án đầu tư, chủ dự án đối với chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật - sau đây gọi chung là “Chủ dự

án”) là đơn vị được cơ quan chủ quản giao trực tiếp quản lý hoặc đồng thực hiện chương trình, dự án.

9. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi là “cơ chế tài chính trong nước”) là quy định về việc sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi từ ngân sách nhà nước cho chương trình, dự án, bao gồm:

- a) Cấp phát toàn bộ;
- b) Cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể;
- c) Cho vay lại toàn bộ.

10. Dự án đầu tư là dự án tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư bao gồm hai loại:

a) Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp hoặc cải tạo những công trình nhằm mục đích phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong một thời hạn nhất định, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;

b) Dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư mua tài sản, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án đầu tư khác không quy định tại điểm a khoản này.

11. Dự án hỗ trợ kỹ thuật là dự án có mục tiêu hỗ trợ công tác nghiên cứu chính sách, thể chế, chuyên môn, nghiệp vụ, tăng cường năng lực thông qua các hoạt động như cung cấp chuyên gia trong nước và quốc tế, đào tạo, hỗ trợ một số trang thiết bị, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước. Dự án hỗ trợ kỹ thuật bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật độc lập và dự án hỗ trợ kỹ thuật để chuẩn bị dự án đầu tư.

12. Đề xuất chương trình, dự án đầu tư là tài liệu mô tả bối cảnh, sự cần thiết, mục tiêu, phạm vi, kết quả chính, dự kiến thời gian thực hiện, dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu vốn, sơ bộ đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, tác động môi trường (nếu có), đề xuất cơ chế tài chính trong nước, phương án cân đối trả nợ và tác động đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan chủ quản làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định cho phép lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

13. Điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là điều ước quốc tế về nội dung liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm:

a) Điều ước quốc tế khung về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là điều ước quốc tế về nguyên tắc và điều kiện khung liên quan tới chiến lược, chính sách, khuôn khổ hợp tác, lĩnh vực ưu tiên; chuẩn mực cần tuân thủ trong cung cấp và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; cam kết vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho một năm hoặc nhiều năm và những nội dung khác theo thỏa thuận của các bên ký kết;

b) Điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là điều ước quốc tế về nội dung cụ thể liên quan tới mục tiêu, hoạt động, thời gian thực hiện, kết quả phải đạt được; điều kiện tài trợ, vốn, cơ cấu vốn, điều kiện tài chính của vốn vay và lịch trình trả nợ; thể thức quản lý; nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn của các bên trong quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và những nội dung khác theo thỏa thuận của các bên ký kết.

14. Thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là văn bản thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được ký kết nhân danh Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phải là điều ước quốc tế.

15. Hỗ trợ ngân sách là phương thức cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi, theo đó khoản hỗ trợ được chuyển trực tiếp vào ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng phù hợp với quy định, thủ tục ngân sách nhà nước để đạt được mục tiêu đề ra trên cơ sở thỏa thuận với nhà tài trợ nước ngoài, trong đó bao gồm hỗ trợ ngân sách chung và hỗ trợ ngân sách có mục tiêu.

16. Ngân hàng phục vụ là ngân hàng được người sử dụng (Chủ dự án) lựa chọn để thực hiện các giao dịch thanh toán đối ngoại cho các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, căn cứ danh sách và ý kiến về ngân hàng đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định.

17. Phi dự án là phương thức cung cấp vốn ODA viện trợ không hoàn lại dưới dạng khoản viện trợ riêng lẻ và không cấu thành dự án cụ thể, như bằng tiền, hiện vật, hàng hóa, chuyên gia để thực hiện một trong những hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn, nghiên cứu, khảo sát, đào tạo.

18. Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại (sau đây gọi là Văn kiện dự án) là tài liệu trình bày bối cảnh, sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, hoạt động chủ yếu, kết quả, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tổng vốn, nguồn và cơ cấu vốn, các nguồn lực khác, phương thức tài trợ, điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có), hình thức tổ chức quản lý thực hiện do cơ quan chủ quản phê duyệt làm cơ sở thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

19. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi là nguồn vốn của nhà tài trợ nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để hỗ trợ phát triển, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, bao gồm:

a) Vốn ODA viện trợ không hoàn lại là loại vốn ODA không phải hoàn trả lại cho nhà tài trợ nước ngoài;

b) Vốn vay ODA là khoản vay nước ngoài có thành tố ưu đãi đạt ít nhất 35% đối với khoản vay có điều kiện ràng buộc liên quan đến mua sắm hàng hóa và dịch vụ theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài hoặc đạt ít nhất 25% đối với khoản vay không có điều kiện ràng buộc. Phương pháp tính thành tố ưu đãi nêu tại Phụ lục I của Nghị định này;

c) Vốn vay ưu đãi là khoản vay nước ngoài có điều kiện ưu đãi hơn so với vay thương mại nhưng thành tố ưu đãi chưa đạt tiêu chuẩn của vay ODA được quy định tại điểm b khoản này.

20. Vốn đối ứng là khoản vốn đóng góp của phía Việt Nam (bằng hiện vật hoặc tiền) trong chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nhằm chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án, được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chủ dự án tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 4. Các phương thức cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Các phương thức cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi gồm:

a) Chương trình;

b) Dự án;

c) Hỗ trợ ngân sách;

d) Phi dự án.

2. Chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi được phân loại theo quy định về phân loại dự án đầu tư công tại Điều 6 của Luật đầu tư công.

Điều 5. Ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng để thực hiện chương trình, dự án cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao tri thức và phát triển công nghệ; tăng cường năng lực và nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách.

2. Vốn vay ODA được ưu tiên sử dụng để thực hiện:

a) Chương trình, dự án quy mô lớn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương trong lĩnh vực hạ tầng kinh tế - xã hội, bao gồm giao thông, thủy lợi, ứng phó biến đổi khí hậu, y tế, giáo dục.

b) Chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương trong lĩnh vực hạ tầng kinh tế - xã hội bao gồm giao thông, đô thị, ứng phó biến đổi khí hậu, y tế, giáo dục tại địa phương có khả năng vay, trả nợ.

c) Chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng vay, trả nợ.

3. Vốn vay ưu đãi được ưu tiên sử dụng để thực hiện:

a) Chương trình, dự án quy mô lớn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, thủy lợi, ứng phó biến đổi khí hậu.

b) Chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, đô thị, ứng phó biến đổi khí hậu tại địa phương có khả năng vay lại 100% vốn vay ưu đãi.

c) Chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn.

4. Các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Nội dung và nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Nội dung quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho từng thời kỳ để hỗ trợ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm; các giải pháp, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn này.

c) Theo dõi, cung cấp thông tin về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

d) Giám sát, đánh giá tình hình, kết quả quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định hiện hành của pháp luật về giám sát, đánh giá đầu tư công và quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

đ) Xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

e) Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích trong hoạt động đầu tư công.

2. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên và được phản ánh trong ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn vay nước ngoài để nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay, mua sắm ô tô, vật tư, thiết bị dự phòng cho quá trình vận hành sau khi dự án hoàn thành; chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý dự án.

b) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi trên cơ sở bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ, thực hiện phân cấp gắn với trách nhiệm, quyền hạn, năng lực quản lý, năng lực hấp thụ của Bộ, ngành, địa phương; bảo đảm sự phối hợp quản lý, giám sát và đánh giá của các cơ quan có liên quan theo quy định hiện hành của pháp luật

c) Bảo đảm công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình về chính sách, trình tự, thủ tục vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi giữa các ngành, lĩnh vực và giữa các địa phương, tình hình thực hiện và kết quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Đảm bảo chia sẻ thông tin về chính sách hợp tác, lĩnh vực ưu tiên của các nhà tài trợ nước ngoài lên Hệ thống thông tin của Chính phủ (chinhphu.vn; mpi.gov.vn; mof.gov.vn; mofa.gov.vn).

d) Phòng chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ngăn ngừa và xử lý các hành vi này theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc áp dụng cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi

1. Đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương: Ngân sách trung ương cấp phát toàn bộ.

2. Đối với chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: Ngân sách trung ương cấp phát một phần, cho vay lại một phần hoặc toàn bộ đối với vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài làm phần đóng góp của địa phương trong dự án đối tác công tư (PPP): Cho vay lại toàn bộ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Đối với chương trình, dự án có khả năng thu hồi vốn toàn bộ hoặc một phần: Cho vay lại toàn bộ hoặc một phần vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài từ ngân sách trung ương theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

Điều 8. Quy trình quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại chuẩn bị dự án đầu tư:

a) Lập, lựa chọn, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án;

- b) Thông báo chính thức cho Nhà tài trợ nước ngoài về Đề xuất chương trình, dự án được phê duyệt;
- c) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- d) Thông báo chính thức cho Nhà tài trợ nước ngoài về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án và đề nghị xem xét tài trợ;
- đ) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;
- e) Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho chương trình, dự án;
- g) Quản lý thực hiện chương trình, dự án;
- h) Hoàn thành, chuyển giao kết quả chương trình, dự án.

Chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại và dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại chuẩn bị dự án đầu tư không phải thực hiện theo quy định tại điểm a và b của Khoản này.

2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại:

- a) Lập Văn kiện dự án, phi dự án; thẩm định, quyết định chủ trương thực hiện (áp dụng đối với dự án, phi dự án quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định này) và phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án;
- b) Thông báo chính thức cho Nhà tài trợ nước ngoài về dự án, phi dự án đã được phê duyệt và đề nghị xem xét tài trợ;
- c) Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận hoặc văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án;
- d) Quản lý thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án;
- đ) Hoàn thành, chuyển giao kết quả dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

3. Quy trình quản lý, sử dụng khoản hỗ trợ ngân sách:

- a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách;
- b) Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho khoản hỗ trợ ngân sách;
- c) Quản lý thực hiện;
- d) Hoàn thành, chuyển giao kết quả.

Điều 9. Chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách

1. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung được quy định như sau:

- a) Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính kèm theo tài liệu về khoản hỗ trợ ngân sách, trong đó nêu rõ bối cảnh, sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, hoạt động chủ yếu, kết quả, hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường, tổng vốn, nguồn và cơ cấu vốn, các nguồn lực khác, điều kiện tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách, quyền lợi và nghĩa vụ, phương thức tài trợ và hình thức tổ chức quản lý.

b) Bộ Tài chính đánh giá tình hình, hiệu quả sử dụng ngân sách trong ngành, lĩnh vực liên quan, khả năng tiếp nhận hỗ trợ ngân sách để thực hiện các mục tiêu, các điều kiện tiếp nhận hỗ trợ ngân sách.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách.

2. Trường hợp khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu, trình tự, thủ tục đối với chương trình, dự án cụ thể thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, quản lý nợ công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Tham gia chương trình, dự án khu vực

1. Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo văn kiện, tài liệu chương trình, dự án khu vực, trong đó nêu rõ quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tham gia chương trình, dự án khu vực.

2. Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan chủ quản của chương trình, dự án khu vực, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương Việt Nam tham gia chương trình, dự án khu vực và cơ quan chủ quản của chương trình, dự án đó.

3. Trường hợp nhà tài trợ nước ngoài cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi để xây dựng và thực hiện chương trình, dự án trong khuôn khổ chương trình, dự án khu vực, căn cứ loại chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thực hiện lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư hoặc lập, thẩm định, quyết định chủ trương thực hiện và phê duyệt Văn kiện dự án theo quy định tại các Chương II, III và IV của Nghị định này.

Điều 11. Khu vực tư nhân tiếp cận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Phù hợp với chính sách cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, khu vực tư nhân được tiếp cận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Hình thức tiếp cận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với khu vực tư nhân bao gồm:

a) Tiếp cận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong khuôn khổ hạn mức tín dụng cho vay đến tổ chức tài chính, tín dụng trong nước để thực hiện các hoạt động phù hợp với điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi và tuân thủ quy trình cho vay của tổ chức tài chính, tín dụng;

b) Tiếp cận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi mà Chính phủ sử dụng làm vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định hiện hành của pháp luật về đối tác công tư và điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

c) Tiếp cận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo hình thức vay lại qua hệ thống ngân hàng thương mại theo phương thức ngân hàng thương mại chịu rủi ro toàn bộ;

d) Tiếp cận và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thông qua việc tham gia thực hiện chương trình, dự án hỗ trợ khu vực tư nhân của cơ quan chủ quản.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI; CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI VÀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 12. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật đầu tư công.
2. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật đầu tư công.
3. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật đầu tư công.
4. Người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư đối với các trường hợp không quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 13. Đề xuất chương trình, dự án

1. Lập, lựa chọn, phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 và 10 Điều 25 của Luật Đầu tư công. Mẫu Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại Phụ lục II của Nghị định này.
2. Tiêu chí lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án:
 - a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chỉ tiêu an toàn nợ công và khả năng trả nợ; định hướng thu hút vốn ODA, vốn vay ưu đãi; chính sách, định hướng ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;
 - b) Bảo đảm hiệu quả và bền vững về kinh tế - xã hội, môi trường;
 - c) Phù hợp với khả năng cân đối vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng;
 - d) Không trùng lặp với nội dung chương trình, dự án đã có đề xuất, chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 của Luật đầu tư công. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo Mẫu quy định tại Phụ lục IIIa và IIIb của Nghị định này.
2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chính phủ sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 25 của Luật đầu tư công. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu quy định tại Phụ lục IIIa của Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 25 của Luật Đầu tư công. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo Mẫu quy định tại Phụ lục IIIb của Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 25 của Luật Đầu tư công. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu quy định tại Phụ lục IIIc của Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 25 của Luật Đầu tư công. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu quy định tại Phụ lục IIIc của Nghị định này.

6. Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn.

7. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại thực hiện theo quy định của Luật Quản lý nợ công và các nghị định hướng dẫn.

Điều 15. Các hoạt động thực hiện trước

Cơ quan chủ quản thực hiện các hoạt động thực hiện trước trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện chương trình, dự án, bao gồm:

1. Sau khi chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan chủ quản giao đơn vị đề xuất chương trình, dự án:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khung chính sách tái định cư trong quá trình thẩm định văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư;

b) Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

2. Từ khi chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư đến khi điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi của chương trình, dự án có hiệu lực, cơ quan chủ quản tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

a) Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu và thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa và xây lắp cho các hoạt động triển khai thực hiện trong 12 tháng đầu của chương trình, dự án và một số gói thầu tư vấn (tư vấn quản lý dự án, tư vấn thiết kế kỹ thuật, tư vấn giám sát, tư vấn về tái định cư, môi trường và xã hội);

b) Hợp đồng mua sắm hàng hóa, xây lắp và tư vấn của các gói thầu quy định tại điểm a khoản này chỉ được ký sau khi điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi của chương trình, dự án có hiệu lực. Đối với nguồn vốn vay của các nhà tài trợ song phương, thời điểm ký kết hợp đồng thương mại thực hiện theo quy định của nhà tài trợ song phương.

3. Vấn đề thực hiện các hoạt động thực hiện trước do chủ dự án bố trí từ nguồn vốn chuẩn bị dự án hoặc ứng trước và được thanh toán hồi tố từ nguồn vốn dự án trên cơ sở đồng ý trước của nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 16. Nội dung chính của Quyết định chủ trương đầu tư

1. Tên chương trình, dự án và nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
2. Tên cơ quan chủ quản.
3. Mục tiêu, quy mô.
4. Thời gian, địa điểm và tiến độ thực hiện.
5. Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn (vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và dự kiến kế hoạch bố trí vốn.
6. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại đối với chương trình, dự án.
7. Các hoạt động thực hiện trước.

Điều 17. Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư

Trường hợp chương trình, dự án có điều chỉnh nội dung chính của Quyết định chủ trương đầu tư trong quá trình triển khai, trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được thực hiện như sau:

1. Đối với chương trình đầu tư công, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án nhóm A: Cơ quan chủ quản thực hiện theo quy định tại điểm a, b và c Khoản 2 Điều 34 của Luật Đầu tư công.
2. Đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A: Cơ quan chủ quản thực hiện theo quy trình, thủ tục được quy định tại Khoản 8 Điều 25 của Luật Đầu tư công.
3. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 của Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn, trong đó nêu rõ các nội dung thay đổi so với nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư.
4. Trong trường hợp thay đổi dẫn đến vượt thẩm quyền phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư tương ứng đối với phân loại chương trình, dự án sau khi điều chỉnh.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI; CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI VÀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 18. Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án

Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Luật Đầu tư công.

Điều 19. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án

1. Cơ quan chủ quản thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Luật Đầu tư công.
2. Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án theo Mẫu tại các Phụ lục IV, V và VI của Nghị định này. Khi xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án, chủ dự án phải tính đến các nội dung theo mẫu của nhà tài trợ nước ngoài, bảo đảm thống nhất với những nội dung của Quyết định chủ trương đầu tư và hài hoà quy trình, thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài.
3. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn, trong đó:
 - a) Trường hợp chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, chủ dự án gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, phương án trả nợ và các tài liệu khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
 - b) Các tài liệu có liên quan đến chương trình, dự án bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.
 - c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

Điều 20. Điều chỉnh chương trình, dự án

1. Việc điều chỉnh chương trình, dự án được thực hiện trong trường hợp quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 43 của Luật Đầu tư công.
2. Nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn.

Chương IV

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG THỰC HIỆN VÀ PHÊ DUYỆT VĂN KIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT, PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

Điều 21. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương thực hiện dự án, phi dự án và phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thực hiện dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại trong các trường hợp sau: Dự án, phi dự án kèm theo khung chính sách; dự án, phi dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; viện trợ mua sắm các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép; sự tham gia của Việt Nam vào chương trình, dự án khu vực.
2. Người đứng đầu cơ quan chủ quản:
 - a) Phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án trên cơ sở Quyết định chủ trương thực hiện của Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án đối với các trường hợp không quy định tại khoản 1 Điều này và không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện.

Điều 22. Lập Văn kiện dự án, phi dự án

Cơ quan chủ quản phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập Văn kiện dự án, phi dự án theo Mẫu tại Phụ lục VII và Phụ lục VIII của Nghị định này.

Điều 23. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

1. Cơ quan chủ quản có văn bản kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về những nội dung chính gồm: sự cần thiết, mục tiêu, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, điều kiện của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến các cơ quan có liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ.
4. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án, bao gồm mục tiêu, tổng mức và cơ cấu nguồn vốn (vốn ODA không hoàn lại và vốn đối ứng).

Điều 24. Trình tự, thủ tục thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án

1. Đối với các dự án, phi dự án quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này: Cơ quan chủ quản không tổ chức thẩm định. Người đứng đầu cơ quan chủ quản căn cứ Quyết định chủ trương thực hiện để quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án
2. Đối với các dự án, phi dự án không quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này:
 - a) Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án;
 - b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án bằng hình thức tổ chức Hội nghị thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của dự án, phi dự án.
 - c) Nội dung thẩm định dự án, phi dự án gồm: sự phù hợp của dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện; vốn và khả năng cân đối vốn; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách dành cho các hạng mục chủ yếu; cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của nhà tài trợ nước ngoài và các bên tham gia (nếu có); hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả vào thực tiễn và tính bền vững sau khi kết thúc; những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên;
 - d) Hồ sơ thẩm định dự án, phi dự án bao gồm: Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của Chủ dự án; dự thảo Văn kiện dự án, phi dự án; văn bản góp ý của các cơ quan liên quan; và các tài liệu liên quan khác (nếu có) như văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án, thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ, văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ;
 - đ) Căn cứ kết quả thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án;

e) Thời hạn thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án là không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

g) Trường hợp khoản viện trợ phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt Văn kiện phi dự án và không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sau khi Văn kiện dự án, phi dự án được phê duyệt, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan kèm theo Văn kiện dự án, phi dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

Điều 25. Điều chỉnh chủ trương thực hiện và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án

1. Đối với Quyết định chủ trương thực hiện:

a) Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những thay đổi so với nội dung của Quyết định chủ trương thực hiện;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về các nội dung thay đổi có liên quan, trao đổi với nhà tài trợ nước ngoài về thay đổi quy mô vốn ODA không hoàn lại (nếu có) và tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương thực hiện dự án, phi dự án.

2. Đối với Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án:

a) Cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về những thay đổi so với nội dung Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét về các thay đổi, trao đổi với nhà tài trợ nước ngoài về thay đổi về quy mô vốn ODA không hoàn lại (nếu có);

c) Trên cơ sở ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án, phi dự án. Trong trường hợp nội dung thay đổi dẫn đến vượt thẩm quyền cơ quan chủ quản, cơ quan chủ quản thực hiện quy định tại Điều 23 của Nghị định này.

Chương V

KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ THỎA THUẬN VỀ VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Mục 1: KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 26. Cơ sở đề xuất ký kết điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Cơ sở đề xuất ký kết điều ước quốc tế khung về vốn ODA, vốn vay ưu đãi là kết quả vận động, chiến lược và chính sách hợp tác phát triển, lĩnh vực ưu tiên về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã được thống nhất giữa cấp có thẩm quyền của Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài.

2. Cơ sở đề xuất ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại: Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án được phê duyệt và quyết định đầu tư chương trình, dự án.

b) Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: Văn kiện dự án, phi dự án và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.

Điều 27. Cơ quan đề xuất ký kết điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA viện trợ không hoàn lại cho chương trình, dự án thuộc cơ quan mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Bộ Tài chính là cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và cụ thể về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, trừ vốn ODA không hoàn lại được quy định tại khoản 3, 4 Điều này.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay của các tổ chức tài chính tiền tệ và ngân hàng quốc tế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và cụ thể về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay cho chương trình, dự án không quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 28. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế và quản lý nợ công.

2. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi ký kết thành nhiều điều ước quốc tế theo yêu cầu của nhà tài trợ: Căn cứ hạn mức vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định chủ trương đầu tư, tiến độ dự án và kết quả giải ngân các điều ước quốc tế cụ thể đã ký, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản và các cơ quan liên quan xác định nhu cầu, giá trị khoản vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi tiếp theo, trao đổi, thống nhất với nhà tài trợ và thực hiện trình tự, thủ tục được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp điều ước quốc tế có yêu cầu ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành về cấp ý kiến pháp lý, Bộ Tư pháp làm thủ tục cấp ý kiến pháp lý theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: KÝ KẾT THỎA THUẬN VỀ VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 29. Cơ sở đề xuất ký kết thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi: Cơ sở đề xuất ký kết thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi là điều ước quốc tế về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (trong trường hợp có ký kết điều ước quốc tế) và quyết định đầu tư chương trình, dự án.

2. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: Trong trường hợp nhà tài trợ yêu cầu ký kết, cơ sở đề xuất ký kết thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại là điều ước quốc tế về vốn ODA không hoàn lại (trong trường hợp có ký kết điều ước quốc tế) và Văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 30. Cơ quan đề xuất ký kết thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA viện trợ không hoàn lại cho chương trình, dự án thuộc cơ quan mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Bộ Tài chính là cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại tài trợ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, trừ vốn ODA không hoàn lại được quy định tại khoản 3, 4 Điều này.
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay của các tổ chức tài chính tiền tệ và ngân hàng quốc tế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay cho chương trình, dự án không quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 31. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công.
2. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA viện trợ không hoàn lại nhân danh Chính phủ thực hiện như sau:
 - a) Cơ quan đề xuất ký kết chủ động thảo luận và thống nhất với bên nước ngoài về dự thảo thỏa thuận;
 - b) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan và thống nhất với bên nước ngoài, cơ quan đề xuất ký kết tổng hợp kết quả đàm phán để đồng thời xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến;
 - c) Cơ quan đề xuất ký kết trao đổi lại với bên nước ngoài để hoàn chỉnh dự thảo thỏa thuận và trình Thủ tướng Chính phủ việc ký kết;
 - d) Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ký kết, người đứng đầu cơ quan được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền tiến hành ký thỏa thuận với bên nước ngoài;
 - đ) Đối với sửa đổi, bổ sung thỏa thuận làm thay đổi cam kết về hạn mức vốn ODA không hoàn lại, trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan, cơ quan đề xuất ký kết trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; trong các trường hợp khác, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cơ quan đề xuất ký kết thống nhất và ký kết với bên nước ngoài.
3. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ thực hiện như sau:
 - a) Bộ Tài chính thảo luận, thống nhất với bên nước ngoài về dự thảo thỏa thuận;

b) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan và thống nhất với bên nước ngoài, Bộ Tài chính tổng hợp kết quả đàm phán để đồng thời xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Các cơ quan xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến và đầy đủ hồ sơ theo quy định;

c) Bộ Tài chính trao đổi lại với bên nước ngoài để hoàn chỉnh dự thảo thỏa thuận và trình Thủ tướng Chính phủ việc ký kết;

d) Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ký kết, Bộ trưởng Bộ Tài chính tiến hành ký thỏa thuận với bên nước ngoài;

4. Trường hợp thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi có yêu cầu ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành về cấp ý kiến pháp lý, Bộ Tư pháp làm thủ tục cấp ý kiến pháp lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 32. Các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án của đơn vị mình, quy định về tổ chức quản lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, người quyết định đầu tư quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án sau:

1. Đối với chương trình, dự án đầu tư xây dựng: Áp dụng hình thức tổ chức, quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Đối với chương trình, dự án khác, người quyết định đầu tư quyết định áp dụng một trong các hình thức sau:

a) Thành lập Ban quản lý dự án mới;

b) Sử dụng Ban quản lý dự án đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới;

c) Chủ dự án tự quản lý chương trình, dự án;

d) Nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý toàn bộ chương trình, dự án;

đ) Nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý một phần chương trình, dự án.

3. Thành lập Ban quản lý dự án để quản lý một chương trình, dự án có quy mô lớn, áp dụng công nghệ cao, liên quan đến an ninh, quốc phòng; chương trình, dự án có đặc thù về nguồn vốn hoặc mô hình quản lý thực hiện cần phải thành lập Ban quản lý dự án; chương trình, dự án có quy định phải thành lập Ban quản lý dự án theo điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

4. Chủ dự án sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực quản lý và thực hiện dự án đối với dự án quy mô nhỏ; dự án có sự tham gia của cộng đồng.

5. Thuê tư vấn quản lý một phần hoặc toàn bộ công việc thực hiện chương trình, dự án.

Điều 33. Thành lập Ban quản lý dự án

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định đầu tư, người đứng đầu cơ quan chủ quản ban hành quyết định thành lập Ban Quản lý dự án. Trường hợp chủ dự án có đầy đủ tư cách pháp nhân, người đứng đầu cơ quan chủ quản có thể ủy quyền cho chủ dự án ban hành quyết định thành lập Ban Quản lý dự án (trừ trường hợp Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thành lập theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng).
2. Trường hợp thành lập Ban quản lý dự án mới theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 của Nghị định này: Quyết định thành lập Ban quản lý dự án phải kèm theo văn bản quy định cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ; trách nhiệm, quyền hạn và ủy quyền; đề cương giao việc đối với một số chức danh chủ chốt của Ban quản lý dự án.
3. Trường hợp sử dụng Ban quản lý dự án đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 32 của Nghị định này: Căn cứ quyết định thành lập Ban quản lý dự án hiện hành, người đứng đầu cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án tiến hành bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý dự án đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới.
4. Trường hợp chủ dự án tự quản lý chương trình, dự án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 32 của Nghị định này: Trên cơ sở quyết định của người đứng đầu cơ quan chủ quản giao chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý việc thực hiện dự án, trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định đầu tư, chủ dự án ban hành quyết định phân công và giao nhiệm vụ bổ sung cho đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện các hoạt động quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành của pháp luật, theo đó tối thiểu phải có một cán bộ đầu mối về quản lý và một cán bộ đầu mối theo dõi tài chính, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách và phải có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí đảm nhận.
5. Trường hợp nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý một phần chương trình, dự án theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 32 của Nghị định này: Căn cứ nội dung văn kiện chương trình, dự án hoặc điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong đó quy định nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý một phần chương trình, dự án và phía Việt Nam quản lý phần còn lại, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định áp dụng một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này để quản lý phần việc do phía Việt Nam đảm nhận theo quy định hiện hành của Việt Nam và cam kết với nhà tài trợ nước ngoài.
6. Trường hợp nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý toàn bộ chương trình, dự án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 32 của Nghị định này: Căn cứ nội dung văn kiện chương trình, dự án hoặc điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong đó quy định nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý toàn bộ chương trình, dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ cho đơn vị trực thuộc phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài giám sát tiến độ và chất lượng, khai thác và sử dụng các kết quả đầu ra của chương trình, dự án.
7. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Ban quản lý dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án có tư cách pháp nhân được người đứng đầu cơ quan chủ quản ủy quyền ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án. Trong trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án có quy định về cơ cấu tổ chức quản lý dự án, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý dự án, những quy định này phải được cụ thể hóa và thể hiện đầy đủ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án.

Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản trong quản lý thực hiện chương trình, dự án

1. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý thực hiện chương trình, dự án, bao gồm Ban chỉ đạo chương trình, dự án (trong trường hợp cần thiết).
2. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn 5 năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm.
3. Phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án; tổng hợp và phê duyệt kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình, dự án.
4. Chỉ đạo công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành, điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi về đấu thầu.
5. Tổ chức theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch; giám sát và đánh giá tình hình thực hiện, đảm bảo chương trình, dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra theo quy định của pháp luật về đầu tư công và những quy định về giám sát và đánh giá của Nghị định này.
6. Chịu trách nhiệm về chi phí phát sinh do các nguyên nhân chủ quan, thất thoát, lãng phí, tham nhũng và các sai phạm trong công tác quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quản lý của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư công.
7. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án.

Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ dự án trong quản lý thực hiện chương trình, dự án

1. Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện chương trình, dự án trên cơ sở quyết định của cơ quan chủ quản.
2. Chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng của chương trình, dự án từ khi chuẩn bị, thực hiện đến khi đưa chương trình, dự án vào khai thác, sử dụng.
3. Lập và trình cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch trung hạn 5 năm, kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình, dự án. Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, vốn đối ứng do chủ dự án tự bố trí thì chủ dự án chịu trách nhiệm về việc lập, phê duyệt kế hoạch vốn đối ứng hàng năm.
4. Xây dựng kế hoạch hoạt động cho hàng quý, phục vụ công tác điều hành, giám sát và đánh giá chương trình, dự án.
5. Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.
6. Đàm phán, ký kết, giám sát việc thực hiện các hợp đồng và xử lý vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.
7. Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án (đối với dự án đầu tư xây dựng).

8. Thực hiện giám sát và đánh giá chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về giám sát, đánh giá đầu tư công và những quy định của Nghị định này nhằm đảm bảo chương trình, dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra.

9. Chỉ đạo Ban quản lý dự án lập báo cáo kết thúc và báo cáo quyết toán chương trình, dự án; kiểm toán và bàn giao tài sản, tài liệu đầu ra của chương trình, dự án và tuân thủ quy định về đóng cửa dự án tại điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án.

10. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của chương trình, dự án.

11. Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, chủ dự án có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ và kịp thời vốn vay lại theo các điều kiện vay lại đã ký kết với cơ quan tài chính, ngân hàng có thẩm quyền.

12. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án.

13. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan chủ quản trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án trong quản lý thực hiện chương trình, dự án

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án do chủ dự án giao theo Quyết định thành lập Ban quản lý dự án.

Chủ dự án có thể ủy quyền cho Ban quản lý dự án quyết định hoặc ký kết văn bản thuộc thẩm quyền của mình trong quá trình quản lý thực hiện chương trình, dự án. Việc ủy quyền phải được quy định tại Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoặc tại văn bản ủy quyền cụ thể của chủ dự án.

2. Ban quản lý dự án có thể được giao nhiệm vụ quản lý nhiều chương trình, dự án, nhưng phải được chủ dự án chấp thuận và phải đảm bảo nguyên tắc: Từng chương trình, dự án không bị gián đoạn, được quản lý và quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. Trong trường hợp không có đủ điều kiện thực hiện một số phần việc về quản lý và giám sát, Ban quản lý dự án có thể thuê tư vấn thực hiện các công việc này với sự chấp thuận của chủ dự án.

3. Ban quản lý dự án có nhiệm vụ thực hiện các công việc do chủ dự án giao để báo cáo chủ dự án, bao gồm:

a) Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình, dự án;

b) Chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án;

c) Thực hiện các hoạt động liên quan đến đấu thầu, quản lý hợp đồng và công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

d) Giải ngân, quản lý tài chính và tài sản của chương trình, dự án;

đ) Theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án;

e) Chuẩn bị để nghiệm thu và bàn giao kết quả đầu ra của chương trình, dự án sau khi hoàn thành; hoàn tất công tác thanh toán, quyết toán, kiểm toán, bàn giao tài sản của chương trình, dự án; lập báo cáo kết thúc và báo cáo quyết toán chương trình, dự án; thực hiện quy định về đóng cửa dự án tại điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác trong khuôn khổ chương trình, dự án do chủ dự án giao.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan chủ quản trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 37. Thuê tư vấn quản lý chương trình, dự án

1. Trường hợp chủ dự án thuê tư vấn hoặc tổ chức tư vấn (sau đây gọi là “Tư vấn quản lý chương trình, dự án”): Theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định này, tư vấn đó phải có đủ điều kiện, năng lực tổ chức quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của chương trình, dự án. Trách nhiệm, quyền hạn của tư vấn quản lý chương trình, dự án được thực hiện trên cơ sở hợp đồng thuê tư vấn. Tư vấn quản lý chương trình, dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia quản lý, nhưng phải được chủ dự án chấp thuận và phù hợp với hợp đồng thuê tư vấn đã ký.

2. Chủ dự án có trách nhiệm lựa chọn thông qua đấu thầu và ký hợp đồng với tư vấn quản lý chương trình, dự án có đủ điều kiện năng lực tổ chức quản lý để giúp chủ dự án quản lý chương trình, dự án. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý chương trình, dự án, chủ dự án vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy của mình hoặc chỉ định đầu mối để kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý chương trình, dự án và được ủy quyền cho tư vấn thực hiện nhiệm vụ quản lý chương trình, dự án theo hợp đồng quản lý dự án.

3. Tổ chức tư vấn quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm thực hiện các công việc và cam kết theo hợp đồng ký kết với chủ dự án và tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 38. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho các dự án đầu tư công

1. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho các dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Chương III của Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn. Trong đó, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước cấp phát từ ngân sách nhà nước thuộc ngân sách trung ương. Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước cho vay lại địa phương thuộc ngân sách địa phương.

2. Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước cho vay lại đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý nợ công và các nghị định hướng dẫn.

Điều 39. Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

1. Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, căn cứ văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư chương trình, dự án và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, trình cơ quan chủ quản xem xét và phê duyệt.
3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, cơ quan chủ quản chương trình, dự án, gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

Điều 40. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm

1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ quan chủ quản phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét và trình người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hằng năm là một phần kế hoạch đầu tư hằng năm của cơ quan chủ quản.
2. Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm phải có thông tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, kể cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.
3. Sau khi được cơ quan chủ quản phê duyệt, kế hoạch hàng năm là cơ sở để chủ dự án xây dựng kế hoạch thực hiện hàng quý phục vụ công tác điều hành, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án.
4. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, cơ quan chủ quản tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm vào kế hoạch đầu tư công và kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan chủ quản. Trên cơ sở kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan chủ quản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư và phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách hàng năm để trình Quốc hội thông qua.
5. Quy trình, thủ tục giao nhiệm vụ kế hoạch hàng năm về thực hiện chương trình, dự án thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về giao nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.
6. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm, chủ dự án gửi cơ quan chủ quản và thông qua cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch

thực hiện chương trình, dự án hàng năm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án.

7. Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ từ ngân sách nhà nước:

Hàng năm, vào cùng thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, chủ dự án lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án trình cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch vốn ODA, vốn vay ưu đãi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát tình hình thực hiện. Cơ quan chủ quản, chủ dự án có trách nhiệm tự cân đối đủ vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện của chương trình, dự án.

8. Đối với chương trình, dự án vay lại một phần từ ngân sách nhà nước:

Tùy theo tính chất của từng hợp phần chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ hay cho vay lại), chủ dự án áp dụng quy trình lập và trình duyệt kế hoạch của chương trình, dự án tương ứng với từng hợp phần của chương trình, dự án theo quy định tại khoản 1, 2, 7 Điều này.

Điều 41. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án

1. Vốn đối ứng phải được đảm bảo đầy đủ để chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án (bao gồm cả các hoạt động thực hiện trước, nếu có). Nguồn, mức vốn và cơ chế vốn đối ứng phải phù hợp với nội dung chi tiêu của chương trình, dự án đã được thống nhất giữa cơ quan chủ quản và nhà tài trợ nước ngoài và được thể hiện trong văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư.

2. Vốn đối ứng được sử dụng cho các khoản chi phí sau:

- a) Chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án (lương, thưởng, phụ cấp, văn phòng, phương tiện làm việc, chi phí hành chính);
- b) Chi phí thẩm định thiết kế, duyệt tổng dự toán, hoàn tất các thủ tục đầu tư, xây dựng và thủ tục hành chính cần thiết khác;
- c) Chi phí liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu;
- d) Chi phí cho hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ quản lý và thực hiện chương trình, dự án;
- đ) Chi phí tiếp nhận và phổ biến công nghệ, kinh nghiệm, kỹ năng quốc tế;
- e) Chi phí tuyên truyền, quảng cáo chương trình, dự án và các hoạt động cộng đồng;
- g) Chi trả các loại thuế, phí hải quan, phí bảo hiểm theo quy định hiện hành;
- h) Tiền trả lãi, tiền đặt cọc, phí cam kết và các loại phí liên quan khác phải trả cho phía nước ngoài;
- i) Chi phí tiếp nhận thiết bị và vận chuyển nội địa (nếu có);
- k) Chi phí kiểm toán, quyết toán, thẩm tra quyết toán hoàn thành;
- l) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư;
- m) Chi phí thực hiện một số hoạt động cơ bản của chương trình, dự án (khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thi công; xây dựng một số hạng mục công trình, mua sắm một số trang thiết bị);

n) Chi phí cho hoạt động giám sát và đánh giá; giám sát và kiểm định chất lượng, nghiệm thu, bàn giao, quyết toán chương trình, dự án;

o) Chi phí dự phòng và các chi phí hợp lý khác.

3. Đối với chương trình, dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Cơ quan chủ quản có trách nhiệm cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan chủ quản theo quy định của pháp luật hiện hành và phân định rõ theo nguồn vốn xây dựng cơ bản, hành chính sự nghiệp tương ứng với nội dung chi tiêu của chương trình, dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định đầu tư, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án.

4. Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước: Chủ dự án tự bố trí vốn đối ứng hoặc trình cơ quan chủ quản quyết định để bảo đảm đủ vốn đối ứng cho chương trình, dự án theo quy định trước khi ký hợp đồng vay lại.

5. Đối với chương trình, dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt hoặc ký kết không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hàng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng: cơ quan chủ quản có văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hàng năm.

Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án được xem xét tài trợ không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hàng năm, cơ quan chủ quản cân đối trong tổng vốn đã được phân bổ. Trong trường hợp không tự cân đối được, cơ quan chủ quản có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính yêu cầu xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo.

6. Nguồn của vốn đối ứng bao gồm: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác của nhà nước; vốn của chủ dự án (đối với trường hợp cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi); vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 42. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong thực hiện chương trình, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 43. Đấu thầu

1. Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ nước ngoài; trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về lựa chọn nhà thầu khác với quy định của Luật đấu thầu thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó. Trường hợp điều ước quốc tế không có quy định về việc áp dụng thủ tục lựa chọn nhà thầu, việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu.

2. Thủ tục phân cấp trình, thẩm định và phê duyệt các nội dung trong đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam. Nội dung thẩm định, phê duyệt tuân thủ quy định của điều ước quốc tế theo nguyên tắc nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 44. Điều chỉnh nội dung chương trình, dự án và sử dụng vốn dư trong quá trình thực hiện chương trình, dự án

1. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện nhưng không dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Làm thay đổi nội dung Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chủ trương thực hiện: Chủ dự án trình cơ quan chủ quản xử lý theo quy định tại Điều 17 hoặc Điều 25 của Nghị định này;

b) Làm thay đổi nội dung Quyết định đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án: Chủ dự án trình cơ quan chủ quản đề cơ quan chủ quản quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp thay đổi tỷ giá quy đổi của vốn ODA, vốn vay ưu đãi dẫn đến thay đổi tổng mức đầu tư bằng tiền đồng, cơ quan chủ quản tiến hành thủ tục điều chỉnh Quyết định đầu tư theo quy định.

2. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án trong quá trình thực hiện dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

a) Làm thay đổi nội dung Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chủ trương thực hiện: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư và Quyết định đầu tư hoặc Quyết định chủ trương thực hiện và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, cơ quan chủ quản có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền đề xuất ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đề nghị sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

b) Làm thay đổi nội dung Quyết định đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, cơ quan chủ quản có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền đề xuất ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đề nghị sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Vốn dư (vốn ODA, vốn vay ưu đãi) phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình, dự án (bao gồm vốn dư sau đấu thầu, vốn dư do thay đổi tỷ giá, lãi suất, vốn dự phòng chưa phân bổ và các khoản vốn dư khác) được sử dụng để tận dụng nguồn vốn có điều kiện vay ưu đãi đã ký kết với nhà tài trợ, phát huy hiệu quả của chương trình, dự án đang thực hiện nhưng phải đảm bảo không bổ sung thêm hạn mức kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Không sử dụng vốn dư cho giải phóng mặt bằng, cho trả thuế, tăng cường năng lực, đào tạo và chi thường xuyên.

Trường hợp thực sự cần thiết sử dụng để phát huy hiệu quả và trong phạm vi chương trình, dự án được xác định tại văn bản quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án của cấp có thẩm quyền: Sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, cơ quan chủ quản thỏa thuận với nhà tài trợ nước ngoài để quyết định việc sử dụng vốn dư theo quy định hiện hành.

Điều 45. Quản lý xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, kiểm toán, quyết toán

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng, việc thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng và tổng dự toán, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng công trình, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo hiểm công trình xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

2. Đối với chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật, sau khi hoàn thành, cơ quan chủ quản tổ chức nghiệm thu và tiến hành các biện pháp cần thiết để tiếp tục khai thác và phát huy kết quả đạt được cũng như thực hiện quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính và tài sản của chương trình, dự án.

3. Việc kiểm toán, quyết toán chương trình, dự án phải được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ nước ngoài. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đã ký kết về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 46. Giám sát và đánh giá chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Thực hiện theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá chương trình, dự án đầu tư công.

Chương VII

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Mục 1: MỞ VÀ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN THANH TOÁN

Điều 47. Mở tài khoản thanh toán cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tại hệ thống Kho bạc nhà nước, ngân hàng phục vụ

1. Tài khoản nguồn vốn ODA, vay ưu đãi:

a) Các khoản vay và viện trợ của ngân sách nhà nước được quản lý, hạch toán theo dõi trên tài khoản của từng cấp ngân sách;

b) Chủ dự án mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại hệ thống Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi chi cho các hoạt động của chương trình, dự án.

2. Tài khoản vốn đối ứng: Chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của dự án.

3. Kho bạc nhà nước tổ chức việc kiểm soát, thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi, vốn đối ứng.

Điều 48. Tiêu chí lựa chọn ngân hàng phục vụ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Là một ngân hàng được lựa chọn trong các ngân hàng có kinh nghiệm quản lý rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, được xếp hạng tín nhiệm trong nước, đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ ngân hàng, các quy định về giới hạn tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.
2. Có hệ thống chi nhánh phù hợp với yêu cầu của chương trình, dự án.
3. Chấp nhận các trách nhiệm của ngân hàng phục vụ quy định tại Nghị định này.

Điều 49. Trách nhiệm của ngân hàng phục vụ

1. Làm thủ tục cho Bộ Tài chính hoặc chủ dự án mở tài khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho chương trình, dự án theo thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi và phù hợp với quy định của Nghị định này.
2. Theo dõi, quản lý tài khoản, thực hiện các giao dịch ngân hàng và thu phí theo quy định, báo cáo thông tin về tài khoản chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi theo quy định tại Nghị định này.

Điều 50. Nguyên tắc mở và quản lý tài khoản tạm ứng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc ngân hàng phục vụ làm thủ tục mở tài khoản tạm ứng (tài khoản giao dịch) cho chủ dự án hoặc Bộ Tài chính phù hợp với yêu cầu thanh toán của dự án, đảm bảo luân chuyển vốn tài trợ trực tiếp đến dự án, không bố trí qua tài khoản trung gian.

Trường hợp dự án có nhiều khoản tài trợ, phải mở các tài khoản riêng để theo dõi từng nguồn vốn rút về.

2. Trường hợp cơ quan chủ quản dự án giao nhiều đơn vị thực thi, chủ dự án mở tài khoản nhánh tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc chi nhánh ngân hàng phục vụ.

3. Đồng tiền của tài khoản là đồng ngoại tệ vay nước ngoài (trừ trường hợp được Bộ Tài chính chấp thuận mở tài khoản bằng đồng Việt Nam).

4. Quản lý lãi tài khoản tạm ứng:

a) Lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng phải được hạch toán theo dõi riêng và được sử dụng để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng theo quy định. Phí dịch vụ ngân hàng là khoản chi thuộc dự án. Trường hợp số lãi phát sinh không đủ để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng, chủ dự án lập dự toán và bố trí vốn đối ứng để chi trả;

b) Khi kết thúc hoạt động chi tiêu trên tài khoản tạm ứng, đối với dự án do ngân sách cấp phát toàn bộ, chủ dự án nộp số dư lãi phát sinh trên tài khoản này vào ngân sách nhà nước. Đối với dự án vay lại toàn bộ, số dư lãi phát sinh là nguồn thu của chủ dự án. Đối với dự án vay lại theo tỷ lệ, số dư lãi phát sinh được phân bổ theo tỷ lệ tương ứng.

Điều 51. Trách nhiệm của cơ quan giữ tài khoản của chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Theo đề nghị của chủ dự án là chủ tài khoản, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ hướng dẫn hồ sơ và thủ tục mở các tài khoản thanh toán của dự án và thực hiện các giao dịch thanh toán, rút vốn và các nghiệp vụ khác theo quy định hiện hành.

2. Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp cho dự án đầy đủ thông tin để thực hiện giao dịch thanh toán qua hệ thống Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ.
3. Định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận giữa cơ quan giữ tài khoản và chủ tài khoản và khi chủ tài khoản có yêu cầu, cơ quan giữ tài khoản có trách nhiệm gửi báo cáo sao kê tài khoản tạm ứng cho chủ tài khoản, chi tiết số tiền nguyên tệ, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị đồng Việt Nam tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ.
4. Định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận giữa cơ quan giữ tài khoản và chủ tài khoản và khi chủ tài khoản có yêu cầu, cơ quan giữ tài khoản thông báo cho chủ tài khoản số lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng của dự án (nếu có); số phí dịch vụ ngân hàng đã thu; số chênh lệch giữa lãi và phí; số dư đầu kỳ, cuối kỳ.
5. Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo số tiền giải ngân từ nhà tài trợ nước ngoài, cơ quan giữ tài khoản thực hiện ghi có vào tài khoản của dự án và thông báo cho chủ tài khoản biết.
6. Trước ngày 10 hằng tháng, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng phục vụ tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính tình hình hoạt động trong tháng trước đó của các tài khoản nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi mở trên toàn hệ thống. Báo cáo chi tiết theo tên dự án, chủ dự án, tài khoản, tiểu khoản (mỗi tài khoản, tiểu khoản sử dụng cho một nguồn tài trợ), báo cáo phải tách riêng nguồn ODA viện trợ không hoàn lại, nguồn vốn vay; Báo cáo chi tiết số dư tài khoản đầu kỳ, tổng số rút vốn từ nhà tài trợ nước ngoài trong kỳ, tổng số chi trong kỳ, số dư cuối kỳ, các giao dịch hoàn trả tiền cho nhà tài trợ nước ngoài (nếu có); Báo cáo số liệu lãi phát sinh trên các tài khoản nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong kỳ, số lãi đã sử dụng trang trải phí dịch vụ ngân hàng, số dư lãi cuối kỳ.

Mục 2: LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGUỒN VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 52. Lập kế hoạch tài chính hằng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Trên cơ sở kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc kế hoạch điều chỉnh, bổ sung, cơ quan chủ quản lập kế hoạch tài chính hằng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.
2. Kế hoạch tài chính hằng năm phải lập chi tiết cho từng chương trình, dự án, từng điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, trong đó chia ra vốn chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, vốn vay lại, vốn đối ứng. Trường hợp dự án áp dụng vay lại theo tỷ lệ, kế hoạch vốn phân cấp phát và vay lại phải đảm bảo đúng tỷ lệ theo cơ chế tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Mức bố trí vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hằng năm phải đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế, thỏa thuận về ODA và vay ưu đãi nước ngoài đã ký kết, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.
4. Việc lập kế hoạch tài chính hằng năm cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tuân thủ quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 53. Tổng hợp kế hoạch tài chính nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm

1. Đối với các dự án chi đầu tư phát triển được ngân sách nhà nước cấp phát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, kế hoạch vốn đối ứng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.
2. Đối với chi thường xuyên, Bộ Tài chính tổng hợp kế hoạch rút vốn ODA vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.
3. Đối với khoản vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch rút vốn vay lại, báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về quản lý nợ của chính quyền địa phương gửi Bộ Tài chính để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.
4. Đối với dự án cho vay lại của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chủ dự án gửi Bộ Tài chính đăng ký kế hoạch giải ngân vốn vay lại hằng năm, đồng gửi cơ quan cho vay lại. Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ quyết định hạn mức vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi để cho vay lại hằng năm.
5. Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung mẫu biểu và thuyết minh lập kế hoạch tài chính hằng năm đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Mục 3: KIỂM SOÁT CHI NGUỒN VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 54. Nguyên tắc kiểm soát chi

Việc kiểm soát và thanh toán vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (sau đây gọi tắt là kiểm soát chi) áp dụng theo các quy định hiện hành đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 55. Cơ quan kiểm soát chi

1. Kho bạc nhà nước các cấp thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án hoặc hợp phần dự án được ngân sách nhà nước cấp phát; dự án áp dụng cơ chế cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ và dự án vay lại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2. Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính uỷ quyền thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án hoặc hợp phần dự án áp dụng cơ chế vay lại toàn bộ.
3. Đối với các chương trình, dự án khác chưa được xác định theo các khoản 1 và 2 Điều này, Bộ Tài chính xác định cơ quan kiểm soát chi phù hợp, đảm bảo nguyên tắc không có hai cơ quan kiểm soát chi cùng kiểm soát một hoạt động chi tiêu của dự án.

Điều 56. Hình thức kiểm soát chi

1. Kiểm soát chi trước là việc cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp, hợp lệ của khoản chi trước khi chủ dự án rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng. Kiểm soát chi trước áp dụng đối với các khoản chi không thuộc phạm vi khoản 2 Điều này.
2. Kiểm soát chi sau là việc cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp, hợp lệ của khoản chi sau khi chủ dự án đã rút vốn thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng. Kiểm soát chi sau áp dụng với các trường hợp sau:

a) Thanh toán từ tài khoản tạm ứng cho nhà thầu, nhà cung cấp, trừ tài khoản tạm ứng do Bộ Tài chính là chủ tài khoản áp dụng kiểm soát chi trước. Chuyển tiền từ tài khoản tạm ứng sang tài khoản tạm giữ để thanh toán chi phí kiểm toán độc lập sau khi đóng tài khoản tạm ứng;

b) Chuyển tạm ứng từ tài khoản tạm ứng cho các tài khoản cấp hai đối với dự án có nhiều cấp quản lý;

c) Các khoản chi từ tài khoản cấp hai cho hoạt động quản lý dự án thuộc dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày rút vốn thanh toán, chủ dự án phải hoàn tất hồ sơ thanh toán gửi cơ quan kiểm soát chi xác nhận để làm cơ sở thực hiện lần thanh toán kế tiếp. Trường hợp thấy cần thiết, chủ dự án có quyền thỏa thuận với nhà thầu áp dụng hình thức kiểm soát chi trước đối với các khoản chi nêu tại khoản 2 Điều này và gửi cơ quan kiểm soát chi để phối hợp thực hiện.

Mục 4: RÚT VỐN, QUẢN LÝ HẠCH TOÁN VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 57. Các hình thức rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Các hình thức rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi bao gồm:

1. Giải ngân hỗ trợ ngân sách: Vốn ODA, vốn vay ưu đãi được giải ngân về ngân sách nhà nước đối với khoản hỗ trợ ngân sách trực tiếp hoặc phương thức tài trợ dựa trên kết quả.

2. Tài trợ theo chương trình, dự án:

Phương thức tài trợ theo chương trình, dự án áp dụng một hoặc một số các hình thức rút vốn sau đây: thanh toán trực tiếp và thanh toán chuyển tiền, thanh toán theo thư cam kết, hoàn vốn hoặc hồi tố, tài khoản tạm ứng.

Điều 58. Thời gian xử lý rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Thời gian xử lý đơn rút vốn tại Bộ Tài chính là 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 59. Trình tự, thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Trình tự và thủ tục rút vốn theo hình thức hỗ trợ ngân sách:

a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan để thực hiện các cam kết về phần mình theo thỏa thuận với bên cho vay nước ngoài, để thỏa mãn điều kiện tiên quyết về rút vốn nêu trong các điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết;

b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của bên cho vay nước ngoài;

c) Đối với hình thức hỗ trợ ngân sách chung, Bộ Tài chính xử lý các hồ sơ và đơn rút vốn gửi bên cho vay nước ngoài và chuyển các khoản rút vốn về ngân sách nhà nước để sử dụng theo thỏa thuận vay đã ký;

d) Trường hợp khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo hình thức hỗ trợ ngân sách cho một ngành, lĩnh vực cụ thể:

Cơ quan chủ quản chương trình, dự án có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính về thời điểm rút vốn, số tiền rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, đảm bảo khoản tiền giải ngân đã được đưa vào kế hoạch tài chính năm của các dự án thành phần.

Vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân về ngân sách nhà nước được phân bổ cho các dự án thành phần để sử dụng theo đúng quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Trình tự và thủ tục rút vốn theo phương thức tài trợ dựa trên kết quả:

a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các chỉ số giải ngân liên quan theo thoả thuận với bên cho vay nước ngoài để làm cơ sở rút vốn. Chủ dự án được tiếp nhận vốn tạm ứng theo quy định của bên cho vay nước ngoài để thực hiện các công việc đã thoả thuận nhằm đạt được cam kết gắn với chỉ số giải ngân;

b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập báo cáo, tài liệu hoặc cung cấp tài liệu chứng minh việc hoàn thành các tiêu chí giải ngân quy định tại thoả thuận vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký để gửi bên cho vay nước ngoài. Chủ dự án lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của bên cho vay nước ngoài;

c) Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân được chuyển về tài khoản của đơn vị thực hiện chương trình, dự án mở tại Kho bạc nhà nước theo thoả thuận với nhà tài trợ. Việc chi tiêu tuân thủ quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành. Hết niên độ ngân sách, số dư dự toán nguồn vốn ngoài nước được xử lý theo các quy định quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành; số dư tiền mặt trên tài khoản tạm ứng được tiếp tục sử dụng cho các hoạt động của chương trình, dự án trong niên độ tiếp theo theo quy định.

3. Trình tự và thủ tục rút vốn đối với khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo phương thức tài trợ dự án:

a) Các hình thức rút vốn:

Thanh toán trực tiếp: chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu, nhà cung cấp của dự án.

Thanh toán chuyển tiền: là hình thức thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán hoàn vốn nêu dưới đây bằng Đồng Việt Nam.

Thanh toán theo thư cam kết: là hình thức thanh toán mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ nước ngoài phát hành một thư cam kết sẽ trả lại tiền cho ngân hàng thương mại đối với khoản thanh toán đã thực hiện cho nhà thầu, nhà cung cấp theo phương thức thanh toán Thư tín dụng (L/C) qua hệ thống ngân hàng thương mại (ngân hàng cho vay, ngân hàng phục vụ).

Hoàn vốn hoặc hồi tố: Là hình thức mà nhà tài trợ nước ngoài thanh toán tiền từ tài khoản vốn vay vào tài khoản để hoàn lại các khoản chi hợp lệ do chủ dự án đã chi cho dự án. Các khoản chi hợp lệ có thể phát sinh trước (hồi tố) hoặc các khoản chi hợp lệ phát sinh sau (hoàn vốn) khi ký điều ước quốc tế, thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết và phải tuân thủ các quy định cụ thể trong các điều ước quốc tế cụ thể hoặc thoả thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Tài khoản tạm ứng là hình thức nhà tài trợ nước ngoài tạm ứng trước một khoản tiền vào một tài khoản mở riêng cho dự án tại ngân hàng phục vụ để chủ dự án chủ động trong việc thanh toán cho

các khoản chi tiêu thường xuyên và hợp lệ của dự án, giảm bớt số lần rút vốn vay. Việc chi tiêu và thanh toán từ tài khoản tạm ứng được Bộ Tài chính và nhà tài trợ nước ngoài kiểm soát chặt chẽ.

b) Sau khi nhà tài trợ nước ngoài thông báo đã hoàn thành các điều kiện tiên quyết để rút vốn theo quy định tại các điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận vay ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án hoặc ban quản lý dự án lập bộ hồ sơ đề nghị rút vốn theo mẫu của bên cho vay nước ngoài và theo từng hình thức rút vốn gửi Bộ Tài chính.

Trong trường hợp bên cho vay nước ngoài yêu cầu tài liệu bổ sung, hoặc chỉ chấp thuận một phần đơn rút vốn, Bộ Tài chính hoặc bên cho vay nước ngoài thông báo cho chủ dự án để phối hợp xử lý kịp thời các yêu cầu hợp lý của bên cho vay nước ngoài.

c) Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính:

Đối với mỗi đợt rút vốn, chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập và gửi cho Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ rút vốn theo từng hình thức rút vốn. Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ rút vốn chi tiết.

Điều 60. Nguyên tắc quản lý hạch toán vốn ODA, vay ưu đãi vào ngân sách nhà nước

1. Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải được hạch toán đầy đủ, chính xác vào ngân sách nhà nước.

2. Đối với các chương trình, dự án áp dụng cơ chế cấp phát toàn bộ hoặc một phần theo tỷ lệ được kiểm soát chi tại Kho bạc nhà nước, việc hạch toán ngân sách nhà nước phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo cơ chế cấp phát và phần vốn cho vay lại theo tỷ lệ (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) do Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện.

3. Hạch toán ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở chứng từ giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng do nhà tài trợ nước ngoài thông báo. Đối với hình thức chi từ tài khoản tạm ứng, chủ dự án lập Giấy đề nghị hạch toán vốn ODA, vay ưu đãi gửi Kho bạc Nhà nước xác nhận đồng thời với thủ tục kiểm soát chi. Đối với các hình thức rút vốn khác, chủ dự án lập Giấy đề nghị hạch toán vốn ODA, vốn vay ưu đãi gửi Kho bạc Nhà nước xác nhận trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được chứng từ giải ngân của nhà tài trợ nước ngoài và gửi Bộ Tài chính để theo dõi.

4. Thời hạn hạch toán ngân sách nhà nước:

a) Các khoản chi nguồn vốn ODA, vay ưu đãi được xác nhận kiểm soát chi đến ngày 31 tháng 01 năm sau phải thực hiện rút vốn và xác nhận hạch toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trước ngày 01 tháng 3 năm sau;

b) Đối với các khoản chi áp dụng kiểm soát chi sau thực hiện rút vốn từ ngày 31 tháng 01 trở về trước, Chủ dự án gửi hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để kiểm soát chi và xác nhận hạch toán chậm nhất trước ngày 01 tháng 3 năm sau;

c) Kho bạc Nhà nước hoàn thành hạch toán các khoản chi nguồn vốn ODA, vay ưu đãi trong niên độ thực hiện trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

5. Trình tự, thủ tục quản lý hạch toán ngân sách nhà nước vốn ODA, vay ưu đãi thực hiện theo các quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Mục 5: BÁO CÁO, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, QUYẾT TOÁN, KIỂM TRA

Điều 61. Báo cáo tình hình giải ngân, hạch toán ngân sách nhà nước

1. Trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc quý, chủ dự án thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước lập báo cáo gửi cơ quan chủ quản, đồng gửi cơ quan tài chính đồng cấp về tình hình giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong quý kèm các Giấy hạch toán ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước được Kho bạc nhà nước nơi giao dịch xác nhận.

Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập nhận vay lại thực hiện quy định về chế độ báo cáo giải ngân theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cho vay lại.

2. Trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án gửi Báo cáo kết thúc rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản để làm cơ sở quyết toán dự án.

3. Chủ dự án lập và gửi các báo cáo tài chính cho nhà tài trợ nước ngoài theo quy định tại văn kiện dự án, điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận vay ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, đồng gửi cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính đồng cấp để theo dõi và chỉ đạo kịp thời công tác quản lý tài chính đối với dự án.

4. Hằng năm, trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo, để phục vụ đối chiếu số liệu hạch toán và thực tế giải ngân, cơ quan chủ quản có trách nhiệm lập, tổng hợp và cung cấp cho Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước báo cáo tình hình giải ngân và hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn các mẫu biểu báo cáo giải ngân và hạch toán ngân sách nhà nước.

Điều 62. Chế độ kế toán, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra

Chế độ kế toán, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra,

chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, phù hợp với các nội dung đặc thù đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Điều 63. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản

1. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật, các điều ước quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Nguồn thu từ việc khai thác tài sản công do Nhà nước đầu tư từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải được ưu tiên dành để trả nợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Chủ dự án hoặc đơn vị được giao vận hành dự án có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ về tình hình biến động giá trị tài sản hình thành từ vốn ODA, vốn vay ưu đãi và dòng tiền phát sinh từ tài sản đó theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VIII

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

Điều 64. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì soạn thảo chiến lược, chính sách hợp tác phát triển với nhà tài trợ nước ngoài; Định hướng thu hút vốn ODA, vốn vay ưu đãi.
2. Chủ trì soạn thảo, trình ban hành hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo thẩm quyền.
3. Chủ trì xác định nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi; tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ các Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.
4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.
5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay quy định tại khoản 4 Điều 27; đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định này.
6. Tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A; gửi văn bản thông báo chính thức cho Nhà tài trợ nước ngoài về Đề xuất chương trình, dự án được phê duyệt, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án và đề nghị xem xét tài trợ.
7. Tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ; chủ trì thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại; gửi văn bản thông báo chính thức cho Nhà tài trợ nước ngoài về dự án, phi dự án đã được phê duyệt và đề nghị xem xét tài trợ sau khi chủ trương thực hiện, Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.
8. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng điều ước quốc tế khung và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.
9. Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xác định thành tố ưu đãi, đánh giá tác động của khoản vay mới đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công, cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.
10. Thực hiện giám sát, đánh giá, kiểm tra và thanh tra chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư công và quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.
11. Làm đầu mối giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, dự án, những vấn đề liên quan đến nhiều Bộ, ngành để đảm bảo tiến độ thực hiện và thúc đẩy giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp xử lý các vấn đề về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Trong trường hợp cần thiết, chủ trì thành lập đoàn công tác liên ngành làm việc trực tiếp với cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án và nhà tài trợ nước ngoài để xem xét, đánh giá và giải quyết kịp thời những vướng mắc theo thẩm quyền.

12. Trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo tổng hợp theo định kỳ (6 tháng, một năm) và đột xuất về tình hình vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; kiến nghị các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

Điều 65. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xây dựng chiến lược, chính sách hợp tác phát triển với nhà tài trợ nước ngoài.

2. Hướng dẫn chuẩn bị nội dung liên quan đến điều kiện sử dụng vốn, cơ chế tài chính trong nước, quản lý tài chính của chương trình, dự án; công tác thẩm định tài chính các dự án vay lại.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc đăng ký các khoản vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, đảm bảo trong các chỉ tiêu giới hạn nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia đã được Quốc hội phê chuẩn.

4. Chủ trì xác định thành tố ưu đãi, đánh giá tác động của khoản vay ODA và vay ưu đãi đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công, xác định cơ chế tài chính trong nước đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế khung và cụ thể về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại tài trợ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này; đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại tài trợ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

6. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

7. Đại diện chính thức cho “bên vay” đối với các khoản vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ với nhà tài trợ nước ngoài.

8. Quản lý tài chính đối với chương trình, dự án:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn về quản lý tài chính đối với chương trình, dự án;

b) Hướng dẫn về biểu mẫu, báo cáo về quản lý tài chính của chương trình, dự án trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký với nhà tài trợ nước ngoài;

c) Bố trí vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để trả nợ các khoản vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi khi đến hạn;

d) Theo dõi, kiểm tra công tác quản lý tài chính trong việc sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và tổ chức hạch toán ngân sách nhà nước đối với các nguồn vốn này;

đ) Tổng hợp theo định kỳ (6 tháng, một năm) số liệu giải ngân, rút vốn và trả nợ đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho các cơ quan có liên quan;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí đầy đủ và kịp thời vốn đối ứng nguồn hành chính sự nghiệp để chuẩn bị thực hiện và thực hiện chương trình, dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách trung ương trong kế hoạch vốn hàng năm;

g) Tổ chức cho vay lại và thu hồi phần vốn cho vay lại của chương trình, dự án áp dụng cơ chế ngân sách nhà nước cho vay lại.

Điều 66. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xây dựng chiến lược, chính sách hợp tác phát triển với nhà tài trợ nước ngoài, quy hoạch, kế hoạch thu hút, điều phối, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn vốn này.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng và khả năng cân đối các nguồn vốn này (đối với nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế và ngân hàng quốc tế khác mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện).

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền về việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, theo quy định tại khoản 3 Điều 27 và khoản 3 Điều 30 Nghị định này.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc trình cấp có thẩm quyền về việc ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi đối với các tổ chức tài chính tiền tệ và ngân hàng quốc tế mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện.

5. Xác định danh sách và cho ý kiến về ngân hàng đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.

6. Tổng hợp theo định kỳ (6 tháng, một năm) và thông báo cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan về tình hình rút vốn và thanh toán thông qua hệ thống tài khoản của chương trình, dự án mở tại các ngân hàng.

Điều 67. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp

1. Thẩm định dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia đàm phán, góp ý xây dựng nội dung dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Tham gia ý kiến đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án hợp tác với nhà tài trợ nước ngoài về pháp luật.

4. Thẩm định Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án hợp tác với nhà tài trợ nước ngoài về pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật; cho ý kiến đối với chương trình, dự án, phi dự án hợp tác pháp luật thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản.

5. Cấp ý kiến pháp lý cho điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Ngoại giao

1. Phối hợp với các cơ quan có liên quan, trên cơ sở chính sách đối ngoại chung, xây dựng và thực hiện chủ trương, phương hướng vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi, chính sách đối tác; tham gia vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan chỉ đạo cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài hoặc tại tổ chức quốc tế tiến hành vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi, phù hợp với chủ trương, phương hướng vận động, quy hoạch, kế hoạch thu hút, điều phối, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trong từng thời kỳ.

3. Tham gia đàm phán, góp ý kiến đối với dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi; kiểm tra đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

4. Thực hiện các thủ tục đối ngoại về việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi; tổ chức lưu trữ, sao lục, công bố điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

5. Tham gia đánh giá chương trình, dự án theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện thủ tục ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, điều phối, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; xây dựng chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Xây dựng Đề xuất chương trình, dự án, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Văn kiện dự án, phi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Phối hợp với cơ quan đề xuất ký kết trong việc trình cấp có thẩm quyền về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án do mình làm chủ quản theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 27 và khoản 2, 3 Điều 30 Nghị định này và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận đó theo quy định của pháp luật.

4. Đề xuất trình Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA viện trợ không hoàn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế đó theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế; đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này và tổ chức thực hiện thỏa thuận đó theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo ngành, lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của chương trình, dự án do mình trực tiếp quản lý và thực hiện.

Điều 70. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thu hút, điều phối, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Xây dựng Đề xuất chương trình, dự án, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Văn kiện dự án, phi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Phối hợp với cơ quan đề xuất ký kết trong việc trình cấp có thẩm quyền về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án do mình làm chủ quản quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 27 và khoản 2, 3, 4 Điều 30 Nghị định này và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận đó theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA viện trợ không hoàn lại quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định này và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế đó theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA viện trợ không hoàn lại quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định này và tổ chức thực hiện thỏa thuận đó theo quy định của pháp luật.

5. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng cho chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của chương trình, dự án do mình trực tiếp quản lý và thực hiện.

8. Bố trí vốn trả nợ ngân sách trung ương đầy đủ, đúng hạn để trả nợ nước ngoài đối với chương trình, dự án áp dụng cơ chế ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định này về quản lý tài chính đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo thẩm quyền.

Điều 72. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục, trong quá trình thực hiện cần sửa đổi, điều chỉnh thì thực hiện theo quy định về điều chỉnh chủ trương đầu tư của Nghị định này.
2. Đối với chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại chuẩn bị dự án đầu tư và dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại độc lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Văn kiện chương trình, dự án trước ngày có hiệu lực của Nghị định này thì việc ký kết, quản lý thực hiện, hoàn thành và chuyển giao chương trình, dự án thực hiện theo quy định của Nghị định này.
3. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương thực hiện và phê duyệt Văn kiện dự án trước ngày có hiệu lực của Nghị định này, trong quá trình thực hiện có sự điều chỉnh mà nội dung điều chỉnh không dẫn tới thay đổi thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này, cơ quan chủ quản thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Nghị định này; trường hợp nội dung điều chỉnh dẫn tới thay đổi thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này, cơ quan chủ quản thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh theo quy định tại Điều 23 của Nghị định này;
4. Đối với thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi đã được cấp có thẩm quyền ký kết nhân danh Nhà nước, trong trường hợp có điều chỉnh, bổ sung thì thực hiện theo quy trình, thủ tục đối với điều chỉnh, bổ sung thỏa thuận về vốn vay ODA, vay ưu đãi được quy định của Nghị định này.

Điều 73. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...và thay thế Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 và Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (3b).

Phụ lục I

PHƯƠNG PHÁP TÍNH THÀNH TỐ ƯU ĐÃI CỦA KHOẢN VAY

(Ban hành kèm theo Nghị định số /ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

1. Thành tố ưu đãi được xác định trên cơ sở các yếu tố về đồng tiền vay, thời gian vay, thời gian ân hạn, lãi suất vay, phí, chi phí vay khác, khoản viện trợ kết cấu để tăng tính ưu đãi khoản vay (nếu có) và tỉ lệ chiết khấu tại thời điểm tính toán. Các khoản viện trợ để hỗ trợ kỹ thuật, thuê chuyên gia tư vấn thiết kế, xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi... sẽ không được tính.

2. Thành tố ưu đãi của khoản vay được tính theo công thức sau:

$$GE = \left(1 - \frac{r}{d}\right) \left(1 - \frac{\frac{1}{(1+d)^{aG}} - \frac{1}{(1+d)^{aM}}}{d^{(aM-aG)}}\right)$$

Trong đó:

GE: Thành tố ưu đãi của khoản vay (%)

G: Thời gian ân hạn (năm)

M: Thời hạn cho vay (năm).

r: Lãi suất vay (%) là lãi suất tính gộp của lãi suất danh nghĩa và toàn bộ các phí vay, chi phí vay khác theo thỏa thuận vay nước ngoài, bao gồm khoản viện trợ không hoàn lại kết cấu để tăng tính ưu đãi khoản vay (nếu có), được tính căn cứ theo phương pháp tỷ lệ hoàn vốn nội bộ của các dòng tiền giải ngân và dòng tiền trả nợ theo từng năm trong suốt thời gian vay của dự án.

a: Số lần trả nợ trong năm (theo điều kiện của nhà tài trợ)

d: Tỷ lệ chiết khấu của mỗi kỳ: $d = (1 + d')^{1/a} - 1$ (%)

d': Tỷ lệ chiết khấu (%) tương ứng lãi suất vay của Chính phủ Việt Nam trên thị trường tại thời điểm tính toán

3. Tỷ lệ chiết khấu tính tương ứng lãi suất vay của Chính phủ Việt Nam trên thị trường tại thời điểm tính toán nêu tại khoản 2 trên được xác định cụ thể như sau:

a) Trường hợp tại thời điểm tính toán Chính phủ Việt Nam có phát hành trái phiếu quốc tế thì tỷ lệ chiết khấu là mức lãi suất thấp hơn giữa lãi suất phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ và lãi suất chiết khấu quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp tại thời điểm tính toán Chính phủ Việt Nam không phát hành trái phiếu quốc tế, đối với các khoản vay nước ngoài có thời gian vay dưới 15 năm, tỷ lệ chiết khấu là lãi suất chiết khấu (DDR) do OECD công bố hằng năm tương ứng với từng đồng tiền vay chủ yếu; đối với các khoản vay có thời gian vay từ 15 năm trở lên, tỷ lệ chiết khấu được tính bằng trung bình 10 năm gần nhất lãi suất thương mại tham chiếu (CIRR) do OECD công bố tương ứng với từng đồng tiền vay chủ yếu (USD, EUR và JPY và WON) cộng mức rủi ro kỳ hạn cũng do OECD công bố. Đối với các đồng tiền khác áp dụng lãi suất chiết khấu do OECD công bố áp dụng cho đồng USD.

Phụ lục II

MẪU ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Nghị định số /ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

I. TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN.

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT:

- Tầm quan trọng, sự cần thiết và khả thi của chương trình, dự án về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học, công nghệ,...
- Những nỗ lực đã được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra.
- Các chương trình, dự án đang triển khai cùng lĩnh vực (nếu có).
- Nhà tài trợ nước ngoài dự kiến.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT:

1. Mục tiêu, phạm vi của chương trình, dự án: Mô tả mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và phạm vi của chương trình, dự án.
2. Dự kiến kết quả chính của chương trình, dự án: Tóm tắt kết quả chính dự kiến của chương trình, dự án.
3. Dự kiến thời gian thực hiện của chương trình, dự án (trong đó xác định thời gian xây dựng và thời gian vận hành).
4. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính:
 - a) Tổng mức vốn đầu tư: Vốn vay nước ngoài; vốn đối ứng.
 - b) Cơ chế tài chính và dự kiến tiến độ giải ngân (gắn với dự kiến thời gian của chương trình dự án).
 - c) Phương án cân đối trả nợ.
5. Đánh giá tác động:
 - Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường (nếu có).
 - Đánh giá sơ bộ tác động đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan đề xuất.

PHỤ LỤC IIIa

MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Nghị định số /ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 29 của Luật đầu tư công; bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án.
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ XUẤT

1. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
2. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình.
3. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài (vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
4. Dự kiến vốn đối ứng và nguồn cung cấp gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn hợp pháp khác (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
5. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).
6. Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước.
7. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình.
8. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình.
9. Các hoạt động thực hiện trước: Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 16 Nghị định này, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài./.

PHỤ LỤC IIIb

MẪU BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA VÀ DỰ ÁN NHÓM A SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI *(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)*

Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Luật đầu tư công và bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án.
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN

1. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
2. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện dự án.
3. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài (vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
4. Dự kiến vốn đối ứng và nguồn cung cấp gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn hợp pháp khác (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
5. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc)
6. Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước.
7. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.
8. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.
9. Các hoạt động thực hiện trước.

Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 16 Nghị định này, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài, cơ chế thực hiện các hoạt động này./.

PHỤ LỤC IIIc

MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Nghị định số /ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án.
2. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất chương trình, dự án và chủ dự án (dự kiến).
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU SƠ BỘ CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Bối cảnh và sự cần thiết

- a) Sự cần thiết, vai trò, vị trí của chương trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương liên quan đến nội dung của chương trình, dự án.
- b) Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
- c) Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án.

2. Những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án

- a) Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án

Mô tả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án.

- b) Tóm tắt những sản phẩm dự kiến, kết quả chủ yếu của chương trình, dự án.
- c) Mô tả tóm tắt những nội dung, hoạt động chủ yếu của chương trình, dự án và các hợp phần (chương trình).
- d) Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài, (vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
- đ) Dự kiến vốn đối ứng và nguồn cung cấp gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn hợp pháp khác (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
- e) Dự kiến tiến độ thực hiện.
- g) Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).
- h) Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án

hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

i) Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình, dự án.

k) Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án.

l) Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính phù hợp (chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ; chính sách và ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài); tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tác động (nợ công (dự án vốn vay), kinh tế, xã hội, môi trường); tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

m) Các hoạt động thực hiện trước.

Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 16 Nghị định này, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài, cơ chế thực hiện các hoạt động này./.

PHỤ LỤC IV

MẪU BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 44 của Luật đầu tư công và bổ sung các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Môi quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư.
2. Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế-kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư.
3. Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị.
4. Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án.
5. Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường.
6. Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư.
7. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư.
8. Vốn đầu tư:
 - a) Xác định tổng mức đầu tư;

b) Cơ cấu nguồn vốn, bao gồm: vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ); vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

c) Phương án huy động vốn, trong đó nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

9. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

10. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án:

a) Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

b) Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

c) Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

11. Xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án.

12. Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ dự án, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án.

13. Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

14. Các hoạt động thực hiện trước (nếu có): Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án./.

PHỤ LỤC V

MẪU BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 44 của Luật xây dựng; bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA và vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Môi quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. VỐN ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN

1. Cơ cấu nguồn vốn, bao gồm: vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ), vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Phương án huy động vốn, trong đó nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).
3. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).
4. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án:
 - a) Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

b) Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

c) Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC (nếu có)

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 16 Nghị định này./.

PHỤ LỤC VI

MẪU BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Nghị định số /ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình:
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài:
3. Cơ quan chủ quản:
- a) Địa chỉ liên lạc:
- b) Số điện thoại/Fax:
4. Đơn vị đề xuất chương trình:
- a) Địa chỉ liên lạc:
- b) Số điện thoại/Fax:
5. Chủ dự án:
 - a) Địa chỉ liên lạc:
 - b) Số điện thoại/Fax
6. Thời gian dự kiến thực hiện chương trình:
7. Địa điểm thực hiện chương trình:

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Sự phù hợp và các đóng góp của chương trình vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình.
3. Sự cần thiết của chương trình, trong đó nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ chương trình.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của chương trình với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ, nhà đồng tài trợ nước ngoài dự kiến; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi (bao gồm khung chính sách, nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam:

1. Tính phù hợp của đề xuất hỗ trợ vốn ODA, vốn vay ưu đãi với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ nước ngoài về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc ngành, lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, mục tiêu dài hạn và ngắn hạn của chương trình, các hợp phần của các dự án thành phần (nếu có).

V. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình.

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá chương trình.

VII. CÁC KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý chương trình; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện chương trình của chủ dự án, bao gồm cả năng lực tài chính.

IX. TỔNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

XI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;
2. Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;
3. Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

XIII. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 16 Nghị định này./

PHỤ LỤC VII

MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI *(Ban hành kèm theo Nghị định số /ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ)*

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.
5. Địa điểm thực hiện dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Môi quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật; đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án.

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Nêu chi tiết theo từng câu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có)/.

PHỤ LỤC VIII

MẪU VĂN KIỆN PHI DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ)

I. TÊN PHI DỰ ÁN

II. NHÀ TÀI TRỢ, ĐỒNG TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

III. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN VÀ ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT KHOẢN PHI DỰ ÁN

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN KHOẢN PHI DỰ ÁN

V. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN

1. Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.
2. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ nước ngoài.

VI. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA PHI DỰ ÁN

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và nội dung của phi dự án.

VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN PHI DỰ ÁN

Nêu rõ cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý phi dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện khoản phi dự án của chủ dự án.

VIII. TỔNG VỐN CỦA PHI DỰ ÁN

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

IX. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có)/.